

Bản án số: 172/2021/HS-PT
Ngày: 03-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Diệp.

Các Thẩm phán:

+ Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;

+ Ông Nguyễn Văn Tông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Song Tô Như, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử P thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 188/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Duy T, Phạm Kim L, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2021/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Duy T (tên gọi khác: Tý), sinh ngày 27/3/1988 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không có; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm N và bà Võ Thị D; vợ: Dương Thị C, sinh năm 1992 (đã ly hôn); con có 01 người, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 07-4-2021 chuyển tạm giam từ ngày 13-4-2021 cho đến nay; bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Phạm Kim L, sinh ngày 01/8/1985 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không có; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Phạm Thị T; chồng: Đặng Văn L, sinh năm 1983 (đã ly hôn); con có 01 người sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 07-4-2021 chuyển tạm giam từ

ngày 13-4-2021 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 00 phút ngày 07-4-2021, tại quán nhậu B thuộc ấp X, xã Thuyện B, tỉnh Tây Ninh, Công an huyện B phối hợp cùng Công an xã T bắt quả tang Phạm Kim L đang bán 01 bịch nylon trong suốt hàn kín, bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng (nghĩ là chất ma túy) với giá 300.000 đồng cho Lê Thị Bích L1 và Phạm Thanh P. Qua khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Duy T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu giữ 01 ba lô màu đỏ, đen, hiệu Milai, bên trong ba lô có hộp nhựa quần băng keo màu đen, bên trong hộp nhựa có 05 bịch nylon trong suốt hàn kín có chứa tinh thể rắn màu trắng (nghĩ là chất ma túy) và 01 đoạn băng keo màu xanh đen bên trong có 02 bịch nylon trong suốt hàn kín, bên trong 02 bịch nylon chứa tinh thể rắn màu trắng (nghĩ là chất ma túy); 03 bộ dụng cụ sử dụng ma túy và một số vật chứng khác có liên quan.

Quá trình điều tra, Phạm Kim L, Lê Thị Bích L1 và Phạm Thanh P khai nhận: Do có nhu cầu sử dụng ma túy, vào khoảng 14 giờ ngày 07-4-2021, Bích L1 cùng P mỗi người hùn 150.000 đồng và điện thoại cho Kim L hỏi mua 01 bịch ma túy dạng đá giá 300.000 đồng. Kim L thông báo cho T, T chỉ chỗ cất giấu ma túy cho Kim L ở phòng ngủ số 2 phía sau máy hàn. Đến khoảng 15 giờ 40 phút cùng ngày, khi hai bên đang giao nhận ma túy tại quán nhậu của T và L thì bị bắt quả tang.

Phạm Duy T thừa nhận số ma túy bị bắt quả tang là của T mua vào ngày 05-4-2021, của một đàn ông tên Quốc (không rõ lai lịch) tại vòng xoay gần ngã tư Hữu Nghị thuộc ấp T, xã L, huyện B, mục đích để sử dụng. T không biết việc Kim L lấy ma túy bán cho Bích L1 và P.

Ngoài ra Phạm Duy T thừa nhận từ ngày 28-3-2021 đến ngày 07-4-2021, ngoài việc mua số ma túy của Quốc về cất giấu để sử dụng, Phạm Duy T còn bán ma túy cho Trần Trung D 03 lần, bán cho Nguyễn Quốc E 01 lần, Phan Quốc V 01 lần, Phạm Thanh P 02 lần tại nhà của T thuộc ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Tại Kết luận giám định số: 432/KL-KTHS ngày 09/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận:

+ Mẫu chất rắn màu trắng bên trong 01 bịch nylon trong suốt hàn kín (ký hiệu M1) gửi đến giám định là chất ma túy; Loại Methamphetamine; khối lượng 0,0165 gam.

+ Mẫu chất rắn màu trắng bên trong 05 bịch nylon trong suốt hàn kín (ký hiệu

M2) gửi đến giám định là chất ma túy; Loại Methamphetamine; khối lượng 0,5698 gam.

+ Mẫu chất rắn màu trắng bên trong 02 bịch nylon trong suốt hàn kín (ký hiệu M3) gửi đến giám định là chất ma túy; Loại Methamphetamine; khối lượng 0,2397 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2021/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Duy T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Duy T 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Duy T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phạm Duy T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là: 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 tháng 4 năm 2021.

2. Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 251, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Kim L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phạm Kim L: 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 tháng 4 năm 2021. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên các biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 11 tháng 10 năm 2021, bị cáo Phạm Duy T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13 tháng 10 năm 2021, bị cáo Phạm Kim L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa,

Bị cáo T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo L giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo L không tham gia tranh luận.

Bị cáo L nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được về nuôi dưỡng cha mẹ già, chăm sóc con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 07-4-2021, tại quán nhậu, thuộc ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, Phạm Duy T và Phạm Kim L đã bán 01 bịch ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,0165 gam cho Lê Thị Bích L1 và Phạm Thanh P thì bị bắt quả tang. Ngoài ra Phạm Duy T còn bán ma túy cho Trần Trung D 03 lần; Nguyễn Tấn Quốc E 01 lần; Phan Quốc V 01 lần và Phạm Thanh P 02 lần. Khám xét nơi ở của T và L, phát hiện T cất giấu tổng khối lượng 0,8095 gam chất ma túy loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Duy T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 và điểm c khoản 1 Điều 249, xét xử bị cáo Phạm Kim L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trong đó, bị cáo L phạm tội đối với 02 người, bị cáo T phạm tội 02 lần trở lên và đối với 02 người trở lên. Các hành vi này đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, là nguyên nhân gia tăng các tệ nạn và tội phạm nên cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng: Trong quá trình chung sống như vợ chồng, bị cáo L đã giúp sức cho bị cáo T bán trái phép chất ma túy cho Lê Thị Bích L1 và Phạm Thanh P vào ngày 07-4-2021. T và L không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có tính tổ chức, trong đó vai trò chính là của bị cáo T nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự nghiêm khắc hơn bị cáo L. Ngoài ra, bị cáo T còn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép

chất ma túy”. Quá trình điều tra, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù và phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo L 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và phạt bổ sung số tiền 5.000.000 đồng là tương xứng với mức độ phạm tội của các bị cáo gây ra, không nặng.

[5] Tại cấp P thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Duy T, Phạm Kim L. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2021/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Duy T 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Duy T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phạm Duy T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-4-2021.

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 251, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1

Điều 51, Điều 38, Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Kim L 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-4-2021. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Duy T, bị cáo Phạm Kim L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Minh Châu Nguyễn Văn Tông

Phạm Văn Diệp